TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 494/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2021
V/v tranh chấp ly hôn giữa
chị P và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Kim Hạnh
Bà Đào Thị Hồng Hạnh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1403/2020/HNST ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXX- HN ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hoài P, sinh năm 1971
Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970
Cùng địa chỉ: Số 3 đường số 2 , Phường h, quận G, Thành phố H
(chị P và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2020; bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị Hoài P trình bày:

Chị P và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện đến với nhau đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường h, quận G, Thành phố H ngày 17/12/1996, được Ủy ban cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/96. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, làm ăn nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau trong cuộc sống và dẫn đến hạnh phúc gia đình không đạt được như mong

muốn. Từ năm 2010 đến nay, chị và anh T đã ly thân, nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 16/4/1998(đã trưởng thành) và Nguyễn Hữu h, sinh ngày 11/9/2003.chị P yêu cầu trực tiếp nuôi con Nguyễn Hữu h và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Ngày 19/3/2021,chị P có đơn xin vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh T theo Quyết định yêu cầu cung cấp số 580/2020/QĐ-CCTLCC ngày 01/12/2020 tại Công an Phường 06, quận G, được biết : " Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1970 thực tế cư trú và có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 3 đường số 2 , Phường h, quận G, Thành phố H."

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập lấy lời khai và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T đến Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án; nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật

-Ngày 22/02/2021 anh T là bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Chị P có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên chị vẫn bảo lưu ý kiến yêu cầu ly hôn với anh T .

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 16/4/1998(đã trưởng thành) và Nguyễn Hữu h, sinh ngày 11/9/2003.chị P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hữu h và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- anh Nguyễn Hữu T là bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lê Thị Hoài P ly hôn với anh Nguyễn Hữu T

Về con chung: Giao cho chị P nuôi con chung tên Nguyễn Hữu h, sinh ngày 11/9/2003 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét .

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Đương sự phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Hoài P ly hôn với anh Nguyễn Hữu T đang cư ngụ tại địa chỉ số 3 đường số 2 , Phường h, quận G, Thành phố H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Lê Thị Hoài P và anh Nguyễn Hữu T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1Xét yêu cầu xin ly hôn củachị P , Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 115, quyển số 01/96 do Ủy ban nhân dân Phường h, quận G, Thành phố H cấp cho chị P và anh T ngày 17/12/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Tại bản tự khai ngày 19/11/2020,chị P yêu cầu ly hôn với anh T vì bà cho rằng hạnh phúc gia đình phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Nguyên nhân là do tình tình giữa chị P và anh T không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó chị P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Theo đơn trình bày quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn ngày 19/11/2020 củachị P thì quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2010 và đỉnh điểm là năm 2014, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và anh T làm ăn thua lỗ nợ nần . Mặc dù chị cố gắng khuyện can để và mong anh T thay đổi, nhưng anh T vẫn chứng nào tật đó và không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2010 đến nay.

-Căn cứ kết quả xác minh theo Công văn số 40/TAGV ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp và trả lời của Ủy ban nhân dân và Hội Phụ nữ Phường 06, quận G, Thành phố H nơi chị P và anh T chung sống tại địa chỉ số 3 đường số 2 , Phường h, quận G, Thành phố H được biết: " Chị P và anh T sống tại địa chỉ số 3 . Trong quá trình sinh sống tại địa chỉ trên hai vợ chồng sống khép kín ít quan hệ với hàng xóm nên chi hội và tổ công tác Phụ nữ không nắm được tình trạng mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn".

-Xét chị P kiên quyết ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi lấy lời khai cho đến khi hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án mặc dù Tòa án tống đạt hợp lệ cho anh T điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí và những hành động, biện pháp để thuyết phụcchị P để đoàn tụ và hàn gắn hạnh phúc gia đình. Việc tồn tại hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm yêu thương, gần gũi, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, trong khi quan hệ vợ chồng đã rơi vào tình trạng đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì "Tòa án giải quyết cho ly hôn …nếu có căn cứ về việc vợ chồng có vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng …mục đích hôn nhân không đạt được…" Nên yêu cầu xin ly hôn củachị P là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu củachị P được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hữu h sinh ngày 11/9/2003, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Căn cứ quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 563/2020/QĐ-CCTLCC ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp về việc yêu cầuchị P cung cấp những tài liệu, chứng cứ chứng minh cho chị nuôi dưỡng con tốt nhất. Ngày 30/11/2020,chị P đã cung cấp chứng cứ cho Tòa án: đơn xin xác nhận lương ngày 24/11/2020, hiện chị đang là công nhân quản lý hàng hóa với mức lương 10.000.000 đồng. Chứng tỏ chị P có công việc và thu nhập ổn định để nuôi dưỡng trẻ Thắng .

- Chị P cùng 02 con đang ngụ tại căn nhà tại số Số 3 đường số 2 , Phường h, quận G, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số số CH 01398 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố H cấp cho chị P và anh T ngày 05/6/2012 chứng tỏ chị P có chỗ ở hợp pháp để nuôi dưỡng con chung .

-Tòa án đã lấy lời khai của trẻ Nguyễn Hữu h sinh ngày 11/9/2003 thì trẻ h có nguyện vọng yêu cầu được sống với chị P. Mặc dù trẻ h tuy đã lớn nhưng vẫn cần sự chăm sóc của người mẹ hơn vì người phụ nữ chăm sóc con nhỏ chu đáo, tốt hơn đàn ông.

-Căn cứ vào các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu củachị P được quyền trực tiếp dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Hữu h sinh ngày 11/9/2003 đến tuổi trưởng thành là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển bình thường về mọi mặt.

-Đối với con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 16/4/1998(đã trưởng thành) và chị P và anh T không có yêu cầu gì nên theo quy định của pháp luật Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con:chị P không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Vì lợi ích con chung, khi cần thiếtchị P có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung:chị P tự khai về tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không đến Tòa án để Tòa án lấy lời khai. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp

về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T vàchị P sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)chị P phải chịu, được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0027281 ngày 04/11/2020. Do đóchị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn :

1.Về hôn nhân: Lê Thị Hoài P được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/96 do Ủy ban nhân dân Phường h, quận G, Thành phố H cấp cho anh T và chị P ngày 17/12/1996 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 16/4/1998(đã trưởng thành) và Nguyễn Hữu h, sinh ngày 11/9/2003. Giao chochị P trực tiếp nuôi dưỡng trẻ tên Nguyễn Hữu h, sinh ngày 11/9/2003 đến tuổi trưởng thành vàchị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của anh T .

-Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị P phải chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0027281 ngày 04/11/2020. Do đó chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV;
- Chi cục THADS quận GV;
- Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký đóng dấu)